

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 18 - 01 - 2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Lợi;
2. Ông Thái Văn Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 545/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 383/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ V, sinh năm: 1978 (Có mặt);
2. *Bị đơn:* Ông Võ Quốc D, sinh năm: 1971 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 46C, đường số 614, tổ 5, ấp M, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 51 Võ Thị D, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 12/5/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ V trình bày:*

Bà và ông Võ Quốc D quen biết, tìm hiểu nhau được một thời gian thì tự nguyện xây dựng gia đình năm 2005, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 24/01/2009.

Sau khi xây dựng gia đình với nhau, vợ chồng bà sinh sống ở xã Th, huyện Tr, tỉnh V một thời gian, đến năm 2010 chuyển về huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống ở nhà riêng của 02 vợ chồng tại xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Mâu thuẫn xảy ra ngay từ lúc vợ chồng cưới nhau, gia đình bên chồng coi thường, khi dễ,

không tôn trọng bà, đến bây giờ bà vẫn còn rất hận gia đình bên chồng và đã không còn liên hệ gì với gia đình bên chồng từ năm 2012. Vợ chồng bà sống với nhau đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D cờ bạc gây ra nợ nần, bà đã rất nhiều lần phải gồng gánh phụ ông D trả nợ, mới đây Tòa án nhân dân huyện Củ Chi còn xét xử vụ ông D vay tiền để chơi cờ bạc bị kiện và cơ quan thi hành án đã ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 2313/QĐ-CCTHADS ngày 09/7/2020. Bản thân bà phải tự lo kinh tế trong nhà từ lúc cưới nhau cho đến giờ, ông D ngoài việc đưa đón con thì chỉ biết ở nhà ngủ, không lo làm ăn, kinh tế một mình bà gồng gánh, vì gia đình, con cái, bà đã chịu đựng hơn 10 năm nay, đến thời điểm này bà không còn khả năng chịu đựng được nữa, giữa bà và ông D không còn tiếng nói chung, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn. Ông D không đồng ý ly hôn không phải vì còn thương bà mà vì nếu không có bà, không còn ai trả nợ thay cho ông D. Hiện bà đã chuyển về sống tại xã T, huyện Củ Chi cùng các con từ tháng 5/2021, ông D cũng có qua lại để phụ chăm con. Sau khi ly hôn, nếu ông D thay đổi, bà sẽ tự cho cả 02 thêm một cơ hội nữa.

Bà và ông D có 02 con chung tên Võ Nguyễn Mỹ D1, sinh ngày 30/6/2007 và Võ Nguyễn Bảo Ch, sinh ngày 22/5/2013. Các con đã lớn, muốn sống với ai thì người đó nuôi, nếu sống với ông D thì bà không cấp dưỡng nhưng vẫn sẽ lo cho con đầy đủ như từ trước đến nay bà vẫn lo, do cả 02 con đều muốn sống với bà nên bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung bà và ông D tự thỏa thuận không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

*\* Tại bản tự khai ngày 04/6/2021 và trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn là ông Võ Quốc D trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ V tự nguyện xây dựng gia đình năm 2005, có đăng ký kết hôn vào năm 2009.

Sau khi xây dựng gia đình, ông và bà V sống ở quê 01 năm, sau đó chuyển đến huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Khi được Tòa án nhân dân huyện Củ Chi triệu tập để hòa giải ông mới biết vợ ông buồn gia đình ông vì cho rằng gia đình ông coi thường vợ ông, việc này vợ ông chưa bao giờ nói với ông nên ông không biết. Ông thừa nhận bản thân ông cũng có cờ bạc gây ra nợ nần nhưng đến nay ông đã không còn cờ bạc nữa, chuyện nợ nần cờ bạc xảy ra đã lâu, vợ ông nói đã bỏ qua cho ông những chuyện đã xảy ra trước đó nhưng ông không nghĩ đến nay vợ ông vẫn nhớ. Về vấn đề kinh tế gia đình do ông phải đưa đón con đi học để vợ ông làm Công ty nên ông không còn thời gian để đi làm vì 02 con học trái giờ, thời gian đưa đón chênh lệch nên sau khi đưa đón con, ông phải ở nhà lo cơm nước, hiện vợ chồng vẫn sống chung nhà, ông muốn phụ vợ ông việc Công ty nhưng vợ ông không đồng ý, ông vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án xử ly hôn thì ông báo trước sẽ có chuyện xảy ra.

Vợ chồng ông có 02 con chung đúng như vợ ông trình bày, ông không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về con.

Tài sản chung ông không có ý kiến, vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 12/5/2021, bà Nguyễn Thị Mỹ V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Võ Quốc D, con chung có 02 cháu, tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông D đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 46C, đường số 614, ấp M, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

### [2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là ông Võ Quốc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (ông D trực tiếp nhận các văn bản tố tụng nêu trên) nhưng vẫn không đến Tòa án, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông D theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

### [3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ V và ông Võ Quốc D tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 138, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Tr, tỉnh V cấp ngày 24/01/2009, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà V thì sau khi xây dựng gia đình vào năm 2005, hai bên chung sống với nhau tại xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long một thời gian, từ lúc kết hôn giữa hai bên đã có những mâu thuẫn xuất phát từ việc gia đình ông D không tôn trọng, coi thường bà. Năm 2010 bà và ông D chuyển đến huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống tại nhà riêng của hai vợ chồng, trong khoảng thời gian chung sống, ông D không phụ lo kinh tế gia đình, chỉ biết ở nhà ăn ngủ và phụ đưa đón con đi học, kinh tế gia đình một mình bà phải gồng gánh, ông D còn cờ bạc gây ra nợ nần buộc bà phải phụ trả nhiều lần, bà có khuyên nhủ nhưng ông D không nghe, bản thân bà đã chịu đựng hơn mười mấy năm nay, bà không thể tiếp tục chung sống với ông D vì tình cảm không còn, không thể có hạnh phúc, do vậy bà cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn.

Xét trình bày của ông D thì bản thân ông không biết chuyện vợ ông buồn gia đình mình, vợ ông làm kinh tế, ông ở nhà lo cho con nên không có thời gian đi làm, ông có gây ra nợ nần nhưng vợ ông đã phụ trả và ông nghĩ vợ ông không còn nhớ tới, ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn giữa bà V và ông D đã kéo dài nhiều năm nay, ông D thừa nhận bản thân không phụ lo kinh tế gia đình, một mình bà V phải tự lo, ông D còn cờ bạc gây ra nợ nần, việc ông D cờ bạc kéo dài nhiều năm, gần đây nhất là

năm 2020, cơ quan thi hành án đã ban hành Quyết định thi hành án, ông D mong muốn được đoàn tụ nhưng ông không cố gắng vì gia đình tìm việc làm, việc ông cho rằng vì lo đưa đón con nên không có thời gian đi làm là không có cơ sở, bởi việc chăm lo cho gia đình là trách nhiệm và nghĩa vụ của hai vợ chồng, hơn nữa ông D còn tiếp tục gây ra nợ nần, không có sự thay đổi, Hội đồng xét xử xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà V và ông D đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, nếu hàn gắn cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V.

[4] Về con chung:

Bà V và ông D có 02 con chung tên Võ Nguyễn Mỹ D1, sinh ngày 30/6/2007 và Võ Nguyễn Bảo Ch, sinh ngày 22/5/2013, bà V yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu D1 và cháu Ch đều có nguyện vọng được sống với mẹ, do vậy để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao 02 cháu cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà V, không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này. Nếu sau này bà V có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung:

Bà V và ông D xác định tự thỏa thuận không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà V và ông D trình bày không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ V. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ V và ông Võ Quốc D.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 138, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 24/01/2009 cho bà V và ông D không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà V và ông D có 02 con chung tên Võ Nguyễn Mỹ D1, sinh ngày 30/6/2007 và Võ Nguyễn Bảo Ch, sinh ngày 22/5/2013.

Giao cháu D1 và cháu Ch cho bà V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà V về việc tạm thời không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản chung:

Bà V và ông D tự thỏa thuận, không tranh chấp.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà V và ông D trình bày không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà V đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0086212 ngày 13/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Bà Nguyễn Thị Mỹ V có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Quốc D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**